

PHỤ LỤC 2A. DANH MỤC THUỐC KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU - BỊ LOẠI

Kèm theo Thông báo số 3/STB-TMH ngày 28 tháng 7 năm 2025

STT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Đườ ng dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Số đăng ký/ Số GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu				Đơn giá đề nghị cung cấp	Tên cơ sở gửi báo giá	Kết Luận	Lý do loại/Ghi chú
												Số QĐ/ HĐ	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../ .../...)	Đơn giá trúng thầu				
1	BD20	Tanakan	Ginkgo biloba extract	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vi x 15 viên	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	BDG	VN-16289-13	648/QĐ- BV (11/02/2 025)	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	10/02/20 26	4.638	4.638	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Loại	Đơn vị báo giá không phải là đơn vị trúng thầu tại KQ trúng thầu tham chiếu
2	BD24	Tavanic	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate 512,46mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vi x 5 viên nén bao phim	Opella Healthcare International SAS - Pháp	BDG	VN-19455-15	03//QĐ- BVLVT (03/01/2 025)	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	02/01/20 26	36.550	36.550	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	Loại	BV Lê Văn Thịnh không đáp ứng là BV thuộc tuyến tính trở lên
3	GE15	StrepsilsM axpro	Flurbiprofen	8,75m g	Ngậ m	Viên ngậm	Viên	Hộp 2 vi x 8 viên	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturi ng (Thailand) Ltd. - Thái Lan	N5	885100033223 (VN-20080-16)	KQ2400 543974_ 2502071 348 (10/02/2 025)	BV Tai Mũi Họng	16/08/20 26	2.193	2.193	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	Loại	Giá cao hơn giá trúng thầu tại BV, cao hơn giá trúng thầu của các đơn vị trên địa bàn.

STT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Số đăng ký/ Số GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu				Đơn giá đề nghị cung cấp	Tên cơ sở gửi báo giá	Kết Luận	Lý do loại/Ghi chú
												Số QĐ/ HD	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../.../...)	Đơn giá trúng thầu				
4	BD02	Augmentin 250mg/31, 25mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25 mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production/ Pháp	BDG	VN-17444-13	382/QĐ-BVNH (10/09/2024)	BV Nhi Hà Nội	10/12/2025	10.670	10.670	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	KQTT tham chiếu nhóm 1
5	BD11	Klacid 250mg	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Abbvie S.r.l/ Ý	BDG	VN-21357-18					18.000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	Không có kết quả thầu tham chiếu
6	BD12	Klacid MR	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên nén giải phóng biến đổi	Viên	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Abbvie S.r.l/ Ý	BDG	VN-21161-18					36.375	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	Không có kết quả thầu tham chiếu
7	BD22	Elthon 50mg	Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Katsuyama Pharmaceuticals K.K., Katsuyama Plant/ Nhật	BDG	VN-18978-15					4.556	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	Không có kết quả thầu tham chiếu

STT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Số đăng ký/ Số GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu				Đơn giá đề nghị cung cấp	Tên cơ sở gửi báo giá	Kết Luận	Lý do loại/Ghi chú
												Số QĐ/ HD	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../.../...)	Đơn giá trúng thầu				
8	GE5	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals/ Anh	1	VN-20517-17	2003/QĐ-NĐTW (16/12/2024)	BV Bệnh Nhiệt đới trung ương	18/12/2025	16.680	16.680	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	Giá cao hơn các thuốc Generic NI (5.946 đ/v)
9	BD06	Bilaxten	Bilastine	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l/ Ý	1	800110016523	248/QĐ-BVPTU (27/02/2025)	BV Phổi TW	26/02/2026	6.143	6.143	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	Loại	Nhóm TCKT không đúng DM thuốc thông báo mời chào giá
10	GE17	Montelukast Normon 4mg granules	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	4mg	Uống	Thuốc cốm uống	Gói	Hộp 28 gói	Laboratorios Normon, S.A., Spain	1	840110205823	số 382/QĐ-BVNHN (10/9/2024)	Bệnh viện Nhi Hà Nội	31/12/2025	12.500	12.500	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm và Thiết Bị Y Tế SK83	Loại	Đơn vị báo giá không phải là đơn vị trúng thầu tại KQ trúng thầu tham chiếu
11	GE13	Ebasvitae 10mg orodispersible tablets	Ebastine	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên	SEID, S.A, Spain	1	840110008825	KQ2500 048018_2505160 919 (16/05/2025)	Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	15/06/2026	9.798	9.798	Công ty Cổ phần Dược phẩm St. Andrews Việt Nam	Loại	Đơn vị báo giá không phải là đơn vị trúng thầu tại KQ trúng thầu tham chiếu

STT	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Số đăng ký/ Số GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu				Đơn giá đề nghị cung cấp	Tên cơ sở gửi báo giá	Kết Luận	Lý do loại/Ghi chú
												Số QĐ/ HD	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../.../...)	Đơn giá trúng thầu				
12		Syxten 5%	Carbocisteine	250mg /5ml; 100ml	Uống	Siro	Lọ	Hộp 1 lọ 100ml	S Kant Healthcare Limited - Ấn Độ	Nhóm 2	VN-22841-21	Số 3436/QĐ - BVQY103	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Ngày 17/9/2024; Hiệu lực 12 tháng	64.900	64.900	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Loại	Loại vì không có trong danh mục mời báo giá
13		Sucrafil Suspension	Sucralfate	1g/10 ml	Uống	Hỗn dịch uống	Lọ	Hộp 1 lọ 200ml	Fourrts (India) Laboratories Pvt., Ltd. - Ấn Độ	Nhóm 5	VN-19105-15	Số 3436/QĐ - BVQY103	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Ngày 17/9/2024; Hiệu lực 12 tháng	130.000	130.000	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Loại	Loại vì không có trong danh mục mời báo giá
14		Circaru	Tam thất	1,5g	Uống	Thuốc cầm	Gói	Hộp 20 gói x 1,5g	Công ty cổ phần Dược VITYT Hải Dương - Việt Nam	Nhóm 3	VD-30968-18	Số 1830/QĐ - BVQY7A	Công ty TNHH DP Thuận Phong	Ngày 12/12/2024; Hiệu lực 12 tháng	14.000	14.000	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Loại	Loại vì không có trong danh mục mời báo giá
15		Sunabute	Mỗi gói 2,5g chứa: Cefitbuten (dưới dạng cefitbuten hydrat)	200mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	Hộp 1 túi nhôm x 14 gói x 2,5g	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Nhóm 4	VD-33071-19					50.999	Công ty Cổ phần Tân Vỹ An	Loại	Loại vì không có trong danh mục mời báo giá

STT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	Số đăng ký/ Số GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu				Đơn giá đề nghị cung cấp	Tên cơ sở gửi báo giá	Kết Luận	Lý do loại/Ghi chú
												Số QĐ/ HD	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../.../...)	Đơn giá trúng thầu				
16	GE15	NP-Flubi Lozenges	Flurbiprofen	8,75mg	Ngậm	Viên ngậm	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh - Việt Nam	N5	893100263524	553/QĐ-BVQY	BVQY 105	13/12/2025	2.000	1.950	Công ty CP Dược phẩm MEZA	Loại	Không cung cấp hồ sơ theo yêu cầu thông báo mời báo giá (chỉ có Bảng báo giá + bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ của thuốc + bản cam kết)
17	GE2	EBYSTA	Sodium alginate; Calcium carbonate; Sodium bicarbonate	500mg; 160mg; 267mg	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Gói	Hộp 20 gói 10ml	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap - Việt Nam	Nhóm 4	893100244300 (VD-32232-19)	79/QĐ-NĐTW (17/01/2025)	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	17/01/2027	4.000	4.000	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Loại	Loại vì nồng độ, hàm lượng của thuốc không đúng với thông báo mời báo giá

Tổng số: 17 thuốc

Y
GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN
TẠI - MŨI - HỌNG
TRUNG ƯƠNG

*Phạm Tuấn Cảnh